

SÁCH SONG NGŨ PĀLI VIỆT

SỬ LIỆU VỀ XÁ-LỢI RẰNG PHẬT (DĀṬHĀVAMSA)

Nguyên tác Pāli: Dhammakitti Rājaguru Thera
Lời tiếng Việt: Indacanda Bhikkhu
(Trương đình Dũng)

**SRI JAYAWARDHANARAMAYA
COLOMBO – 2005**

CATUTTHO PARICCHEDO

CHƯƠNG THỨ TƯ:

1/- *Carati dharanipāle rājadhammesu tasmim
samaracaturaseno khīradhāro narindo,
nijabhujabalalīlā 'rātidappappamāthī
vibhavajanitamāno yuddhasajjo 'bhigañchi.*

Trong lúc vị vương quân ấy thực thi các phận sự hoàng gia, thì đức vua Khīradhāra, là người khuất phục niềm kiêu hãnh của kẻ thù bằng sự vận dụng sức mạnh của đôi tay mình và có bốn đội binh thiện chiến, đã tiến quân đồng thời tăng cường lực lượng sẵn sàng lâm trận.

2/- *Karivaramatha disvā so guhādvārayātam
paṭibhayarahitatto sīharājāva rājā,
nijanagarasamīpāyātametam narindam
amitabalamahoghen 'ottharantā 'bhiyāyi.*

Khi nhìn thấy con voi cao quý đã tiến đến cửa hang và vị vua kia đã tiến đến khu vực lân cận thành phố của mình, vị vua ấy như con sư tử chúa có bản chất không hề sợ hãi đã tấn công vào những kẻ xâm lược bằng con lũ dữ dội của sức mạnh vô biên.

3/- *Uditabahaladhūlīpāliruddhantaḷikkho
samadavividhayodhārāvasamrambhabhīme,
nisitasarasatālīvassadhārākarāle
ajini mahati yuddhe paṇḍuko khīradhāram.*

Bầu trời đã bị che lấp bởi đám bụi mù dày đặc bốc lên, đức vua Paṇḍu đã đánh bại đức vua Khīradhāra trong trận chiến đấu dữ dội, ghê rợn đầy chết chóc với tiếng la hét của nhiều hạng chiến sĩ đang hăng máu, trong tiếng sấm động mang theo những đám mưa với hàng trăm mũi tên sắc bén.

4/- *Atha narapatiseṭṭho saṅgahetvāna raṭṭham
nijatanujavarasmim rajjabhāram nidhāya,
sugatadasanadhātum sampaticchāpayetvā*

pahīni ca guhasīvaṃ sakkaritvā saratthaṃ.

Kế đến, sau khi đoạt lại vương quốc, vị vua lãnh tụ đã truyền vương quyền cho người con trai yêu quý của mình, sau khi thuyết phục đức vua Guhasīva nhận lấy xá-lợi răng của đấng Thiện Thế, rồi đã tiếp đãi trọng thể và tiễn về xứ sở của vị ấy.

5/- *Suciramavanipālo saññamaṃ ajjhupeto
vividhavibhavadānā yācake tappayitvā,
tidasapuramājam dehabhedāpayāto
kusalaphalamanappam patthitaṃ paccalattha.*

Thời gian dài sau đó, đức vua đã đạt được sự tự chế và đã làm hài lòng những người hành khát với sự bố thí nhiều loại vật chất, đến khi thân xác tan hoại đã sanh về cõi trời và đã thành tựu được nhiều quả báu tốt lành như đã ước nguyện.

6/- *Narapati guhasīvo taṃ munindassa dhātuṃ
sakapuramupanetvā sādhu sammānayaṃto,
sugatigamanamagge pāṇino yojayaṃto
sucaritamabhirūpaṃ sañcinanto vihāsi.*

Sau khi rước xá-lợi của đấng Mâu Ni Vương ấy về thành phố của mình, đức vua Guhasīva đã sống, đồng thời đã tích lũy hạnh lành cao thượng, đã cung kính đúng mực, và đã gắn bó nhiều người vào đạo lộ đi đến cõi trời.

7/- *Aganitamahimassujjenirañño tanūjo
purimavayasi yevāraddhasaddhābhiyogo,
dasabalatanudhātuṃ pūjitaṃ tassa rañño
puravaramupāyāto dantanāmo kumāro.*

Vị hoàng tử tên Danta, con trai của đức vua xứ Ujjenī, là người có sự cung kính và niềm tin phát khởi, lúc tuổi còn trẻ đã đi đến thành phố của vị vua ấy để cúng dường xá-lợi của đấng Thập Lực.

8/- *Guṇajanitapasādaṃ taṃ kaliṅgādhināthaṃ
nikhilaguṇanivāso so kumāro karitvā,
vividhamahavidhānaṃ sādhu sampādayaṃto
avasi sugatadhātuṃ anvahaṃ vandamāno.*

Vị hoàng tử ấy với đầy đủ các đức hạnh đã tạo được niềm tin ở đức vua xứ Kalinga ấy nhờ vào hạnh kiem. Và vị ấy đã sống, đồng thời đã thể hiện

lòng thành theo nhiều phương thức long trọng khác nhau, và đã cúng dường đến xá-lợi của đấng Thiện Thế mỗi ngày.

9/- *Abhavi ca guhasīvassāvanīsassa dhītā
vikacakuvalayakkhī haṃsakantābhiyātā,
vadanajitasarojā hāridhammillabhārā
kucabharanamitaṅgī hemamālābhidhānā.*

Đức vua Guhavīva có người con gái tên là Hemamālā. Nàng có đôi mắt như hoa súng, có dáng đi đẹp như chim thiên nga, có khuôn mặt vượt hẳn đóa hoa sen, có những búi tóc bện xinh đẹp, có dáng người ưỡn ra phía trước để nâng đỡ ngực.

10/- *Akhilaguṇanidhānaṃ bandhubhāvānurūpaṃ
suvimalakulajātamaṃ tam kumāraṃ veditvā,
narapati guhasīvo attano dhītaraṃ tam
adadi sabahumānaṃ rājaputtassa tassa.*

Sau khi biết được vị hoàng tử ấy xuất thân dòng dõi không chút bợn nhơ, có đầy đủ đức hạnh tốt đẹp, xứng đáng để thân cận, đức vua Guhasīva đã gả người con gái yêu quý ấy của mình cho vị hoàng tử ấy.

11/- *Manujapati kumāraṃ dhāturakkhādhikāre
pacuraparijanaṃ tam sabbathā yojayitvā,
gavamahisasahassādīhi sampīṇayitvā
sakavibhavasarikke issaratte thapesi.*

Đức vua đã giao phó hoàn toàn cho vị hoàng tử ấy và đoàn tùy tùng đông đảo nhiệm vụ bảo quản xá-lợi, đã làm cho hoan hỷ với hàng ngàn trâu, bò, v.v... và đã đặt vào vị trí lãnh đạo tương đương với quyền lực của mình.

12/- *Samarabhuvi vinaṭṭhe khīradhāre narinde
malayavanamupetā bhāgineyyā kumārā,
pabalamatimahantaṃ saṃharitvā balaggaṃ
upapuramupagañchumaṃ dhātuyā gaṇhaṇatthaṃ.*

Khi đức vua Khīradhāra bị giết chết ở bãi chiến trường, các vị hoàng tử hàng con cháu đã đi đến khu rừng Malaya, đã thu thập đội quân lớn mạnh và tinh nhuệ, rồi đã tiến đến gần thành phố để đoạt lấy xá-lợi.

13/- *Atha nagarasamīpe te nivesaṃ karitvā
savaṇakatukametam sāsanaṃ pesayimsu,
sugatadasanadhātum dehi vā khippamamham
yasarijananiṃ vā kīḷa saṅgāmakeḷiṃ.*

Sau đó, họ đã xây dựng lều trại ở xung quanh thành phố và cho người đưa lời nhắn nhủ khó nghe rằng: “Hãy mau trao ra cho chúng tôi xá-lợi răng của đấng Thiên Thệ, hoặc là hãy xông xáo chiến trận là nơi tạo ra vinh quang và danh vọng?”

14/- *Sapadi dharanipālo sāsanaṃ tam sunitvā
avadi rahasi vācam rājaputtassa tassa,
na hi sati mama dehe dhātumaññassa dassaṃ
ahamapi yadi jetum neva te sakkuneyyam.*

15/- *Suranaranamitam tam dantadhātum gahetvā
gahitadijavilāso sīhaḷam yāhi dīpaṃ,
iti vacanamudāraṃ mātulassātha sutvā
tamavaca guhasīvaṃ dantanāmo kumāro.*

Ngay khi vừa nghe được lời nhắn tin ấy, đức vua đã nói riêng với vị hoàng tử ấy rằng: “Nếu thân mạng ta còn thì ta sẽ không trao xá-lợi cho người khác. Tuy nhiên, nếu ta không thể chiến thắng họ thì người hãy cải trang thành Bà-la-môn rồi hãy mang xá-lợi răng được chư Thiên và nhân loại tôn thờ ấy đi đến hòn đảo Laṅkā.” Khi ấy, vị hoàng tử tên Danta đã nghe được lời nói cao thượng của người cậu nên đã nói với đức vua Guhasīva ấy rằng:

16/- *Tava ca mama ca ko vā sīhaḷe bandhubhūto
jinacaranasaroje bhattiyutto ca ko vā,
jalanidhiparatīre sīhaḷam khuddadesaṃ
kathamahamatiñesaṃ dantadhātum jinassa.*

“Ở trên xứ Sīhaḷa, ai là người thân thuộc của ngài hoặc của con? Và ai là người tận tụy trong việc thờ phụng bàn chân hoa sen của đấng Chiến Thắng? Tại sao con sẽ phải đưa xá-lợi của đấng Chiến Thắng đến xứ sở nhỏ bé Sīhaḷa ở bờ bên kia của biển cả?”

17/- *Tamavadi guhasīvo bhāgineyyaṃ kumāraṃ
dasabalatanudhātū saṅghitā sīhaḷasmim,
bhavabhayaḥatidakkho vattate satthudhammo*

gaṇanapathamatītā bhikkhavo cāvasimsu.

Đức vua Guhasīva đã nói với vị hoàng tử là người cháu trai ấy rằng: “Ở xứ Sīhala có các xá-lợi di thể của đấng Thập Lực đang được lưu trữ, Giáo Pháp của bậc Đạo Sư có khả năng đoạn diệt luân hồi và sự sợ hãi đang được thực hành, và đã có vô số các vị tỳ khuru cư trú.

18/- *Mama ca piyasahāyo so mahāsenarājā
jinacaranasarojadvandasevābhiyutto,
salilamapi ca phutṭham dhātuyā patthayanto
vividharatanajātam pābhatam pesayittha.*

Và đức vua Mahāsenā ấy là bạn hữu yêu quý của trẫm luôn gắn bó trong việc thờ phượng hai bàn chân như đóa sen của đấng Chiến Thắng. Thậm chí trong lúc thỉnh cầu lượng nước đã được xá-lợi chạm đến, đức vua cũng đã gửi đến quà biếu được tạo nên với nhiều loại châu báu.

19/- *Pabhavati manujindo sabbadā buddhimā so
sugatadasanadhātum pūjitum pūjaneyyam,
paricitavisayamhā vippavuttham bhavantam
vividhavibhavadānā sādhu saṅgaṇhitum ca.*

Vị vua ấy thông minh, luôn luôn có khả năng cúng dường xá-lợi răng của đấng Thiện Thệ là vật xứng đáng để cúng dường, và (có khả năng) tiếp đãi nồng hậu với nhiều sự cung phụng về vật chất đối với cháu đang lúc sống xa lìa các đối tượng quen thuộc.”

20/- *Nijaduhitupatim tam itthamārādhayitvā
narapati guhasīvo saṅgahetvāna senam,
raṇadharanimupeto so kumārehi saddhim
maraṇaparavasattam ajjhagā yujjhamāno.*

Sau khi khích lệ người chồng của con gái mình như thế, đức vua Guhasīva ấy đã tập hợp đoàn quân tiến ra bãi chiến trường, và trong lúc giao đấu cùng với các vị hoàng tử đã bị tử thương.

21/- *Atha narapatiputto dantanāmo sunitvā
savaṇakaṭukametam mātulassa pavattim,
gahitadijavilāso dantadhātum gahetvā
turitaturitabhūto so puramhā palāyi.*

Khi ấy, người con trai của đức vua tên là Danta, sau khi nghe được tin khó nghe ấy về người cậu, đã cải trang thành Bà-la-môn rồi mang theo xá-lợi răng và tẩu thoát khỏi thành phố trong trạng thái vô cùng vội vã.

22/- *Sarabhasamupagantvā dakkhiṇaṃ cātha desaṃ
avicalitasabhāvo iddhiyā devatānaṃ,
nadimatimahatim so uttaritvāna punṇaṃ
nidahi dasanadhātum vālukārāsimaṃjhe.*

Rồi sau đó, khi đã đi đến Sarabhasa là khu vực ở phía nam, vị ấy với bản chất kiên định đã vượt qua dòng sông ngập nước vô cùng rộng lớn nhờ vào năng lực của chư Thiên, và đã giấu xá-lợi răng vào giữa đồng cát.

23/- *Puna puramupagantvā taṃ gahitaññavesaṃ
bhariyamapi gahetvā āgato tattha khippaṃ,
sugatadasanadhātum vālukāthūpakucchiṃ
ṭhapitamupacaranto acchi gumbantarasmim.*

Hơn nữa, sau khi đi đến gần thành phố, vị ấy cũng đã dẫn người vợ được hóa trang dưới bộ dạng khác rồi đã nhanh chóng đi đến nơi ấy. Vị ấy đã cư ngụ ở giữa khu rừng thưa đồng thời thờ phụng xá-lợi răng của đức Thiện Thế đã được đặt ở trong lòng ngôi tháp bằng cát.

24/- *Sapadi nabhasi thero gacchamāno paneko
vividhakiraṇajālaṃ vālukārāsithūpā,
aviralitamudentaṃ dhātuyā tāya disvā
paṇami sugatadhātum otarivāna tattha.*

Rồi có một vị trưởng lão, trong lúc di chuyển ở không trung, đã nhìn thấy màn lưới hào quang đa dạng của xá-lợi ấy đang phát ra không ngừng từ ngôi tháp là đồng cát nên đã lập tức đáp xuống nơi ấy và đã đánh lễ xá-lợi của đức Thiện Thế.

25/- *Munisutamatha disvā jampatī te patītā
nijagamanavidhānaṃ sabbamārocayimsu,
dasabalatanujo so dhāturakkhāniyutto
parahitaniratatto te ubho ajjhabhāsi.*

Sau khi nhìn thấy vị đệ tử của đáng Mâu Ni, cặp vợ chồng ấy đã mừng rỡ kể lại tất cả về tiến trình lưu lạc đến (nơi ấy). Vị đệ tử của đáng Thập

Lực ấy có trách nhiệm trong việc bảo quản xá-lợi và có bản tánh hoan hỷ với điều lợi ích của người khác nên đã nói với cả hai người ấy rằng:

26/- *Dasabalatanudhātum sīhaḷam netha tumhe
agañitatanukhedā vītasārajjametam,
api ca gamanamagge jātamatte vighāte
saratha mamamanekopaddavacchedadakkham.*

“Các vị đang di chuyển xá-lợi di thể của đấng Thập Lực đến xứ Sīhaḷa, điều ấy chứng tỏ rằng các vị đã không màng đến biết bao sự khổ nhọc về cơ thể. Tuy nhiên, ở trên đường đi mỗi khi có việc giết chóc xảy ra, các vị hãy tưởng nhớ đến tôi thì tôi sẽ nhìn thấy được mọi điều hiểm nghèo hoặc cướp bóc.”

27/- *Iti sugatatanujo jampatīnam kathetvā
punapi tadanurūpaṃ desayitvāna dhammam,
puthutaramapanetvā sokasallañca gāḷham
sakavasatimupetā antaḷikkhena dhīro.*

Sau khi nói như thế với cặp vợ chồng, vị đệ tử trí tuệ của đấng Thiện Thệ cũng đã thuyết giảng Giáo Pháp phù hợp với sự việc ấy, và đã nhỏ lên mũi tên sâu muộn sâu xa trầm trọng, sau đó đã trở về chỗ trú ngụ của mình bằng đường không trung.

28/- *Bhujagabhavanavāsi ninnagāyātha tassā
bhujagapati mahiddhī paṇḍubhārābhidhāno,
sakapurapavaramhā nikkhamitvā caranto
samupagami tadā taṃ ṭhānamicchāvasena.*

Khi ấy, con rồng chúa có đại thần lực tên là Paṇḍubhāra cư ngụ trong cung điện của loài rồng ở tại dòng sông ấy đã rời khỏi thành trì sang trọng của mình, và trong lúc di chuyển theo ý thích đã đi đến gần địa điểm ấy.

29/- *Vimalapulinathūpā so samuggacchamānam
sasiruciramarīcījjālamālokayitvā,
ṭhitamatha munidhātum vālukārāsiggabbhe
kimidamiti sakaṅkham pekkhamāno avedi.*

Trong lúc tiến đến gần, con rồng chúa ấy đã nhìn thấy màn lưới hào quang tựa như mặt trăng từ đôi cát tinh khiết, và trong lúc suy tư về điều

thắc mắc “*Đây là vật gì vậy?*” nó đã biết được rằng xá-lợi của đấng Mâu Ni được đặt ở bên trong lòng đồng cát.

30/- *Sapadi sabahumāno so asandissamāno
ratanamayakarandaṃ dhātuyuttam gilitvā,
vitataputhuladeho bhogamālāhi tuṅgaṃ
kanakasikharirājam veṭhayitvā sayittha.*

Ngay lập tức, với sự vô cùng tôn kính con rồng chúa liền tàng hình và đã nuốt vào cái hòm làm bằng châu báu đang chứa đựng xá-lợi. Sau đó với thân hình rộng lớn trải dài, con rồng chúa đã quấn quanh ngọn núi chúa bằng vàng với các vòng thân thể rồi nằm xuống.

31/- *Salilanidhisamīpaṃ jampatī gantukāmā
pulinatalagataṃ taṃ dantadhātum adisvā,
nayanasaliladhāraṃ sokajātaṃ kirantā
sugatasutavaram taṃ taṅkhaṇe ’nussariṃsu.*

Hai vợ chồng có ý định đi đến vùng ven biển, nhưng không nhìn thấy xá-lợi răng ấy để ở bên dưới đồng cát nên đã sanh khởi lòng sầu muộn, rồi đã tuôn trào dòng nước mắt, và vào giây phút ấy đã tưởng nhớ đến vị đệ tử cao quý ấy của đấng Thiện Thệ.

32/- *Atha sugatasuto so cintitaṃ saṃviditvā
agami savidhamesaṃ sokadīnānanānaṃ,
asuṇi ca jinadhātum vālukārāsimaṃjhe
nihatamapi aditṭhaṃ pūjitaṃ jampatīhi.*

Khi đó, vị đệ tử ấy của đấng Thiện Thệ đã nhận biết luồng tư tưởng nên liền đi đến gặp những người ấy đang có khuôn mặt sầu muộn khổ sở, và đã biết rằng xá-lợi của đấng Chiến Thắng đã không còn được nhìn thấy, mặc dầu đã được cất giấu ở giữa đồng cát và được thờ phụng bởi hai vợ chồng.

33/- *Sayitamatha yatī so dibbacakkhuppabhāvā
ratanagirinikuñje nāgarājaṃ apassi,
vihagapatisarīraṃ māpayī tammuhutte
vitataputhulapakkenantaḷikkhaṃ thakentaṃ.*

Sau đó, vị tỳ khuru ấy bằng năng lực Thiên nhãn đã nhìn thấy con rồng chúa đang nằm ở bên cạnh hòn núi châu báu. Và vào giây phút đó, vị ấy

đã biến hóa thành thân thể của loài chim chúa có đôi cánh xò rộng che kín bầu trời.

34/- *Jaladhimatigambhīraṃ taṃ dvidhā so karitvā
pabalapavanavegenattano pakkhajena,
sarabhasamabhidhāvamaṃ bhīmasaṃrambhayogā
abhogami bhujagindamaṃ merupāde nipannaṃ.*

Vị ấy đã xò biển cả sâu thẳm ấy ra làm hai bằng đôi cánh của chính mình với tốc độ của làn gió mạnh mẽ, rồi đã tạo thành tiếng kêu ghê rợn và mau chóng lao đến con rồng chúa đang nằm ở chân núi Meru.

35/- *Jahitabhujagaveso taṅkhaṇe so phaṇindo
paṭibhayacakitatto saṃkhipitvāna bhoge,
sarabhasamupagantvā tassa pāde namitvā
vinayamadhuramitthamaṃ taṃ munīsaṃ avoca.*

Vào giây phút đó, con rồng chúa ấy, với nội tâm bị hoảng hốt vì nỗi lo sợ, đã quăng bỏ lột rần và thân nhỏ thân thể lại, rồi mau chóng đến gần đánh lễ ở chân của vị ấy, và đã nói với vị ẩn sĩ ấy bằng giọng nói nhún nhường và ngọt ngào rằng:

36/- *Sakalajanahitatthamaṃ eva jāyanti buddhā
bhavati janahitatthamaṃ dhātumattassa pūjā,
ahamapi jinadhātumaṃ pūjayitvā mahagghamaṃ
kusalaphalamanappamaṃ sañcinissanti ganhim.*

“Chư Phật xuất hiện chính vì lợi ích cho hết thảy chúng sanh, việc cúng dường đến xá-lợi là việc đem lại lợi ích cho chúng sanh. (Nghĩ rằng): ‘Tôi cũng cúng dường đến xá-lợi cao quý của đáng Chiến Thắng và cũng sẽ gặt hái quả thiện lớn lao,’ nên tôi đã lấy đi xá-lợi.”

37/- *Atha manujagaṇānaṃ saccabodhārahānaṃ
vasatibhavanamesā nīyate sīhalaṃ taṃ,
munivaratanudhātumaṃ tena dehīti vutto
bhujagapati karaṇḍamaṃ dhātugabbhamaṃ adajji.*

Khi ấy, con rồng chúa đã được nói rằng: “Xá-lợi này được đưa đến xứ Sīhala ấy là chốn cư ngụ của số đông người có khả năng giác ngộ Chân Lý; vì thế xin hãy trao lại xá-lợi di thể của đáng Mâu Ni cao quý,” nên đã trao lại chiếc hòm là vật chứa đựng xá-lợi.

38/- *Vihagapatitanuṃ taṃ saṃharitvāna thero
jalacarasatabhīmā aṇṇavā uppatitvā,
sakalapaṭhavicakke rajjalakkhiṃ va dhātuṃ
narapatitanujānaṃ jampatīnaṃ adāsi.*

Vị trưởng lão đã cởi bỏ vóc dáng ấy của con chim chúa. Hàng trăm con cá hung tợn đã phóng lên từ biển cả. Vị ấy đã trao lại xá-lợi, được xem là bảo vật của vương quyền ở trên toàn thể trái đất và vũ trụ, đến hai vợ chồng là con của đức vua.

39/- *Iti katabahukāre samyaminde payāte
sugatadasanadhātuṃ muddhanā ubbahantā,
mahati vipinadevādīhi magge payutte
vividhamahavidhāne te tato nikkhamiṃsu.*

Sau khi đã được vị đứng đầu về sự thu thúc thể hiện các việc làm như thế, và trong lúc đội xá-lợi răng của đấng Thiện Thế ở trên đầu đi trên con đường lớn đã được chư Thiên ở khu rừng sửa soạn với các sự trang hoàng đa dạng lộng lẫy, bọn họ đã rời khỏi nơi ấy.

40/- *Mudusurabhisamīro kaṇṭakādivyapeto
vimalapulinhārī āsi sabbattha maggo,
ayanamupagate te dantadhātuppabhāvā
nigamanagaravāsī sādhu sammānayiṃsu.*

Con đường đã được lót cát tinh khiết ở khắp mọi nơi, được dọn sạch các loại gai góc, v.v... và có làn gió dịu dàng thơm ngát. Do nhờ oai lực của xá-lợi răng, khi họ đang tiến bước trên con đường, cư dân ở phố chợ và thị thành đã tỏ lòng tôn kính theo khuôn phép.

41/- *Kusumasurabhicuṇṇākiṇṇahatthāhi niccam
sakutukamanuyātā kānane devatāhi,
acalagahanaduggaṃ khepayitvāna maggaṃ
agamumaturitā te paṭṭanaṃ tāmālitṭim.*

Luôn được chư Thiên ở trong khu rừng, với các bông hoa và bột phấn thơm chất đầy ở hai tay, tháp tùng một cách phấn khởi, họ đã vượt qua đoạn đường gồ ghề khó đi và đã mau chóng đến được bến tàu Tāmālitṭi.

42/- *Acalapadarabaddhaṃ suṭṭhitodārakūpaṃ
uditaputhulakāraṃ dakkhaniyyāmaṅka,*

*sayamabhimatalaṅkāgāminam nāvamete
sapadi samuparūḷham addasum vāṇijehi.*

Ngay lập tức, họ đã đích thân nhìn thấy chiếc thuyền dự định đi đến Laṅkā được lắp đặt sàn tàu vững chắc, có cột buồm khổng lồ đứng sừng sững căng lên chiếc buồm rộng và có người thuyền trưởng thiện nghệ cùng với các thương buôn đã bước lên thuyền.

43/- *Atha dijapavarā te sīhaḷam gantumiccham
sarabhasamupagantvā nāvikassāvadimsu,
sutisukhavacasā so sādhu vuttena tesam
pamuditahadayo te nāvamāropayittha.*

Khi ấy, các người thủ lĩnh Bà-la-môn với ý định đi đến xứ Sīhaḷa đã mau chóng đi đến nói với người lái tàu bằng giọng nói rõ ràng và mạch lạc, người ấy đã trở nên mừng rỡ với lời đề nghị của họ, và họ đã được sắp xếp lên tàu.

44/- *Jalanidhimabhirūḷhesvesu ādāya dhātum
samabhavumupasantā lolakallolamālā,
samasurabhimanuñño uttaro vāyi vāto
vimalarucirasobhā sabbathā 'sum disāpi.*

Khi những người ấy mang xá-lợi bước lên thuyền ở trên biển cả, những đợt sóng dữ dội đã trở nên bình lặng, làn gió phương bắc thổi nhẹ nhàng thơm ngát gây niềm hưng phấn, khắp mọi phương đều trở nên tinh khiết, rục rịch, và sáng lạng.

45/- *Nabhasi asitasobhe venateyyo va nāvā
pabalapavanavegā santataṃ dhāvamānā,
nayanavisayabhāvātītātīrācalādiṃ
pavisi jaladhimajjham phenapupphābhikiṇṇam.*

Giống như loài chim Garuda ở trên bầu trời xanh ngát và xinh đẹp, chiếc thuyền đều đều lướt nhanh theo tốc độ của làn gió tiến vào giữa biển khơi có rải rác những bông hoa bằng bọt nước, rồi bờ biển, núi non, v.v... chỉ là những hình ảnh thoáng qua trong ánh mắt.

46/- *Atha abhavi samuddo bhīmasamvaṭṭavātā-
'bhīhatasikharikūṭākāravīcippabandho,*

*savaṇabhiduraghorārāvaruddhantaḷikkho
bhayacakitamanussakkandito sabbarattiṃ.*

Sau đó, biển cả đã trở nên liên tục có những đợt sóng cao như chóp núi được tạo ra bởi những cơn gió xoay chuyển kinh hồn, bầu trời trở nên ngột ngạt bởi những tiếng động ghê sợ khó nghe, và trọn đêm có tiếng khóc lóc của người đang bị chìm đắm trong cơn hãi sợ.

47/- *Udayasikharisīsam nūtanādiccabimbe
upagatavati tassā rattiya accayamhi,
salilanidhijalam taṃ santakallolamālam
asitamanivicittam koṭṭimam vāvabhāsi.*

Vào cuối đêm ấy, khi bóng mặt trời mới mọc đã vươn lên đỉnh ngọn núi ở hướng đông, mặt biển ấy với những đợt sóng trở nên bình lặng đã sáng ngời như là mặt sàn được sơn màu ngọc ma-ni xanh biếc.

48/- *Atha vitataphaṇālī bhimsanā keci nāgā
surabhikusumahatthā keci dibbatabhāvā,
ruciramaṇipadīpe keci sandhārāyantā
nijasirasi karontā keci kaṇḍuppalāni.*

Khi ấy, một số các con rồng dữ tợn phòng mang ra, một số mang hình dáng Thiên thần tay cầm các hương thơm và bông hoa, một số đang cầm những cây đèn xinh đẹp bằng ngọc ma-ni, một số đang đội những bó sen xanh ở trên đầu của mình.

49/- *Phuṭakumudakalāpe jattuneke vahantā
kanakakalasangamālā ukkhipantā ca keci,
pavanacalitaketuggāhakā keci eke
rucirakanakacunṇāpuṇṇacaṅgotāhatthā.*

Một số đang mang ở trên vai những chùm hoa súng trắng nở rộ, một số đưa cao những lọ và tràng hoa bằng vàng, một số cầm giữ những lá cờ đung đưa theo gió, một số cầm ở tay những hòm chứa đầy bột phấn vàng xinh đẹp.

50/- *Salalitaramaṇīyam keci naccam karontā
salayamadhuragītam gāyamānā 'va keci,
pacuraturiyabhaṇḍe āhanantā ca eke
munivaratanudhātum pūjitum utṭhahimsu.*

Một số đang nhảy điệu múa sống động duyên dáng, một số đang ca bài hát du dương ngọt ngào, một số đang trình tấu nhiều loại nhạc cụ đã đứng lên để tôn vinh xá-lợi di thể cao quý của đấng Mâu Ni.

51/- *Rucirakacakalāpā rājakaññāya tassā
munivaradasanam tam ambaram uppativā,
asitajaladagabbhā nigatevindulekhā,
ujurajatasalākāsannibhe muñci ramṣī.*

Chiếc răng cao quý ấy của đấng Mâu Ni đã từ búi tóc xinh đẹp của nàng công chúa ấy bay lên không trung và đã phát ra các ánh hào quang tựa như những lưỡi gươm bằng bạc thẳng tắp, trông giống như ánh trăng tỏa sáng từ bầu trời trong vắt.

52/- *Atulitamanubhāvam dhātuyā pekkhatam tam
pamuditahadayānam tañkhaṇe pannagānam,
paṭiravabharitānam sādhuvaḍḍādikānam
gaganamapariyantam v 'āsi vitthāritānam.*

Vào giây phút ấy, trong khi các con rồng với tâm trạng hoan hỷ đang chiêm ngưỡng oai lực vô biên ấy của xá-lợi, thì bầu trời vô tận đã có các tiếng nói như là “Sādhu, lành thay!” v.v... kèm theo tiếng vang dội lan rộng.

53/- *Pavisi sugatadāthādhātu sā moḷigabbham
puna gaganatalamhā otarivāna tassā,
phaṇadharanivahā te tam tarim vārayitvā
mahamakarumudāram sattarattindivamhi.*

Xá-lợi răng ấy của đấng Thiện Thệ đã từ bầu trời hạ xuống rồi ngự ở trên búi tóc của nàng ấy. Những con rồng ấy đã cản chiếc tàu ấy lại và đã tổ chức lễ hội trọng thể bảy ngày đêm.

54/- *Acalamiva vimānam antaḷikkhamhi nāvam
gativirahitamambhorāsimaḷḷhamhi disvā,
bhayavilulitacittā jampatī te samaggā
dasabalatanujam tam iddhimantam sarimsu.*

Nhận thấy chiếc thuyền không còn di chuyển ở giữa biển khơi y như là lâu đài bất động ở trên không trung, hai vợ chồng sanh tâm xao động vì

hoảng sợ, rồi đồng lòng tưởng nhớ đến vị đệ tử có thần thông ấy của đấng Thập Lực.

55/- *Sapadi munisuto so cittamesam veditvā
nabhasi jaladharālī maddamāno 'bhigantvā,
vihagapatisarīram māpayitvā mahantam
bhayacakitabhujāṅge te palāpesi khippam.*

Vị đệ tử ấy của đấng Mâu Ni lập tức biết được tâm tư của họ liền đáp lên những đám mây ở trên không trung để tiến đến, rồi đã biến hóa thành vóc dáng chim chúa khổng lồ, và đã mau chóng đuổi đi đám rồng đang bị hoảng hốt vì sợ hãi ấy.

56/- *Ittham buddhasute bhujāṅgajanitam bhītim sametvā gate
sā nāvā pavanā pakampitadhajā tuṅgam taraṅgāvalim,
bhindantī gativegasā puthutaram meghāvalīsannibham
laṅkāpaṭṭanamotarittha sahasā therassa tass' iddhiyā.*

Như thế, sau khi xoa dịu nỗi sợ hãi do loài rồng gây ra, vị đệ tử của đức Phật đã ra đi. Chiếc thuyền ấy với ngọn cờ rung động bởi làn gió, trong lúc xẻ đôi các đợt sóng to giống như đám mây đen cực lớn bằng tốc độ di chuyển, đã mau chóng đến được bến tàu ở xứ Lankā nhờ vào năng lực của vị trưởng lão ấy.

Catuttho paricchedo.

Chương thứ tư.

--ooOoo--